

Số: 162/BC-THCSPBC

Tân Phú, ngày 12 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017
của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai
đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân**

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN THÔNG TƯ 36 TẠI CƠ SỞ

Hiệu trưởng chỉ đạo trực tiếp, giao nhiệm vụ cụ thể cho các bộ phận có liên quan thực hiện công khai thường xuyên về tài chính, các mặt giáo dục, cơ sở vật chất và trang thiết bị tại đơn vị. Cụ thể:

- Phó Hiệu trưởng: phụ trách chỉ đạo hoạt động chuyên môn của các tổ chuyên môn, bám sát các chỉ tiêu, tỷ lệ của trường và của quận xây dựng chỉ tiêu cụ thể cho từng môn. Đồng thời, thực hiện công khai các chỉ tiêu trong các cuộc họp tổ chuyên môn, hội đồng liên tịch, hội đồng trường, hội đồng sư phạm và thông qua Hội nghị cán bộ công chức, viên chức hàng năm của đơn vị.

- Tổ trưởng văn phòng: bám sát, theo dõi việc thực hiện công khai về tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị, các mặt giáo dục của các bộ phận (kế toán, thủ quỹ, học vụ, thiết bị...). Đảm bảo các bộ phận thực hiện công khai thường xuyên, ít nhất 01 lần/quý, thực hiện công khai 4 lần/năm. Riêng bộ phận kế toán – thủ quỹ thực hiện công khai bảng lương hàng tháng. Tổ chức công khai quyết toán ngân sách năm 2023 và dự toán ngân sách năm 2024 hàng năm.

- Các bộ phận có liên quan: thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI TẠI CƠ SỞ

1. Nội dung đã thực hiện công khai

a. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

Cam kết chất lượng giáo dục: điều kiện về đối tượng tuyển sinh của cơ sở giáo dục; chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện; yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh; các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục; kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Biểu mẫu 09).

Chất lượng giáo dục thực tế: số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng kết kết quả cuối năm, đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp,

được công nhận tốt nghiệp, số lượng học sinh thi đầu tuyển sinh 10 cộng lập. (Biểu mẫu 10).

Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian.

Kiểm định cơ sở giáo dục: công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục theo Quyết định số 4131-30/QĐ-SGDĐT ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào Tạo Thành phố Hồ Chí Minh công nhận Trường THCS Phan Bội Châu, quận Tân Phú đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1. Thực hiện báo cáo tự đánh giá hàng năm.

b. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục:

Cơ sở vật chất: số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định, (Biểu mẫu 11).

Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (Biểu mẫu 12).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

c. Công khai thu chi tài chính:

Thực hiện công khai tài chính theo thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

Học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học.

Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

Thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại các văn bản quy định hiện hành về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

2. Hình thức thực hiện công khai

a. Thời gian công khai

Đối với chất lượng, chỉ tiêu bộ môn, tỷ lệ bộ môn: nhà trường thực hiện công khai trong các cuộc họp tổ chuyên môn, trong hội đồng liên tịch, hội đồng trường, hội đồng sư phạm và hội nghị cán bộ công chức, viên chức hàng năm.

Đối với công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục: các mặt giáo dục, cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài chính: tổ chức công khai tại phòng làm việc của các bộ phận, phòng giáo viên, công khai trong hội đồng liên tịch, hội đồng trường, hội đồng sư phạm và hội nghị cán bộ công chức, viên chức hàng năm.

Đối với công khai tài chính: công khai hàng tháng đối với chế độ lương; hàng quý đối với các khoản chi bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; hàng năm đối với công khai quyết toán năm 2023, dự toán năm 2024, các mức thu học phí và thu khác theo quy định, các chính sách miễn, giảm học phí và trợ cấp đối với học sinh thuộc diện được hưởng chính sách xã hội. Công khai trong các cuộc họp tổ, trong hội đồng liên tịch, hội đồng trường, hội đồng sư phạm và hội nghị cán bộ công chức, viên chức hàng năm (thời gian công khai từ tháng 9/2023 đến tháng 6/2024).

b. Kết luận thực hiện

Các nội dung công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT được nhà trường công khai theo quy định, rõ ràng và cụ thể. Có phân công cán bộ, viên chức thực hiện giải đáp thắc mắc của CB-GV-NV trong nhà trường một cách cụ thể, chi tiết. Do đó, trong năm học 2023 – 2024, đơn vị có 01 đơn phản ánh từ cha mẹ học sinh – giáo viên trong nhà trường.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Thông tư 36/2017/TT- BGDDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân của Trường THCS Phan Bội Châu./.

Nơi nhận:

- PGD&ĐT;
- HĐ Liên tịch;
- Lưu: VT, THCS PBC.(Th).



Biểu mẫu 09

Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp: ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG THCS PHAN BỘI CHÂU

THÔNG BÁO

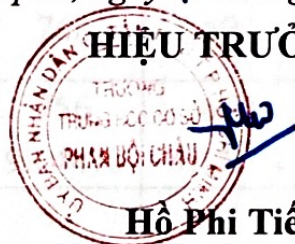
Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Đúng độ tuổi lớp 6 từ 11 đến 13 tính đúng năm dự tuyển. Nếu nữ hoặc HS nước ngoài về nước được gia hạn thêm 01 tuổi; nếu là người dân tộc thiểu số, HS khuyết tật, mồ côi không nơi nương tựa, hộ đói nghèo gia hạn thêm 02 tuổi. Có đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định. Thực hiện theo quy chế tuyển sinh lớp 6, tuyển mới của lớp 6, 7, 8 của ngành GD&ĐT quy định chuyển trường.			
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình giáo dục phổ thông của Bộ GD&ĐT ban hành theo QĐ 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 5/5/2006 đối với khối 9; Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 đối với khối 6,7,8.			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	1. Yêu cầu phối hợp: Phối hợp về công tác quản lý học sinh giờ đưa, đón con em đến trường và về. Phối hợp quản lý học tập của học sinh trong và ngoài giờ học, kiểm tra học bài và làm bài của học sinh. Phối hợp giáo dục hành vi, đạo đức và hình thành nhân cách cho học sinh. Phối hợp tổ chức các hình thức hoạt động giáo dục ngoại khóa, hoạt động giáo dục NGLL, hoạt động trải nghiệm, sáng tạo, rèn kỹ năng sống trong và ngoài nhà trường. 2. Thái độ học tập: Có thái độ khiêm tốn, chân thành học tập, chủ động học tập, tự học, sẵn sàng tiếp thu, tiếp nhận các tri thức mới, đúng đắn, tốt đẹp của các môn học do			

		giáo viên giảng dạy, tư vấn. Thực hiện nghiêm túc một trong năm điều Bác Hồ dạy thanh thiếu niên: Khiêm tốn, thật thà, dũng cảm với thái độ không kiêu ngạo, chủ quan, giấu dốt, giả dối và không gian lận trong thi cử; mạnh dạn tìm tòi, suy nghĩ, kể cả nghi ngờ, phản biện, tranh luận, đồng thời cũng sẵn sàng phục thiện, thừa nhận sai lầm, sửa chữa thiếu sót và bổ sung kiến thức mới. Thực hiện học tập theo lời dạy của Bác Hồ: học thầy, học bạn, học sách vở, học ở cuộc sống, học ở nhân dân... với tinh thần vừa học, vừa tập, vừa hành, nâng cao trình độ nhận thức, tư tưởng, kỹ năng, kỹ xảo của mình để thành người hữu ích cho xã hội.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Tổ chức các hoạt động phong trào văn thể mỹ, Hội khỏe Phù Đổng- Phong trào thể dục thể thao, ngoại khóa, hoạt động giáo dục NGLL, hoạt động trải nghiệm, sáng tạo. Tổ chức tham quan, dã ngoại, hội trại Đoàn Đội. Tổ chức các Hội thi rèn kỹ năng sống, Văn hay chữ tốt, Lớn lên cùng sách, Văn hóa đọc, An toàn giao thông, Nét vẽ xanh, Khéo tay kỹ thuật, Sản phẩm tái chế, tìm hiểu HIV/AIDS, xây dựng thư viện trường học thân thiện...
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được.	- Hiệu suất đào tạo 1 năm : 98,79% (giảm 0.08%) - Hiệu suất đào tạo 4 năm: 96.43% (tăng 1.24%) - Kết quả học lực - Giỏi: 42.79% (45.04% Giảm 2.25%) - Khá: 37.08% (35.78% Tăng 1.30%) - TB: 19.25% (18.35 % Tăng 0.90 %) - Yếu 0.88% (0.83% Tăng 0.05%) - Kém: 0.00% (0.00% ổn định) - Kết quả hạnh kiểm - Tốt: 96.39% (97.04% Giảm 0.65%) - Khá: 3.44% (2.78% Tăng 0.66%) - TB: 0.17% (0.17% ổn định) - Yếu: 0.0% (0.00% ổn định) - Lên lớp thẳng: 99.12% (99.17% giảm 0.05%) - Lên lớp sau thi lại: 99.67% (99.86% giảm

		0.19%) 7. Tốt nghiệp nghề: 0 8. Học sinh giỏi cấp TP: 08; cấp Quận: 22
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Xét duyệt hết cấp: đạt 100% - Giỏi 34.94% (43.24% giảm 8.30%) ; Khá: 37.52% (34.18% tăng 3.34%); TB 27.54% 1. Vào lớp 10 công lập: 76.17%. (năm 2023-2024)

Tân phú, ngày 12 tháng 6 năm 2024



HIỆU TRƯỞNG

Hồ Phi Tiến

Biểu mẫu 10

Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp: ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG THCS PHAN BỘI CHÂU

THÔNG BÁO**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	2384	768	694	381	541
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	2298 96.39%	756 98.44%	660 95.10%	363 95.28%	519 95.93%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	82 3.44%	12 1.56%	31 4.47%	17 4.46%	22 4.07%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	04 0.17%	0 0.00%	03 0.43%	01 0.26%	0 0.00%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%
II	Số học sinh chia theo học lực	2384	768	694	381	541
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	1020 42.79%	368 47.92%	293 42.22%	170 44.62%	189 34.94%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	884 37.08%	302 39.32%	257 37.03%	122 32.02%	203 37.52%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	459 19.25%	92 11.98%	136 19.60%	82 21.52%	149 27.54%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	21 0.88%	06 0.78%	08 1.15%	07 1.84%	0 0.00%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	2384	768	694	381	541
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	2363 99.12%	762 99.22%	686 98.85%	374 98.16%	541 100%
A	Học sinh giỏi - Xuất sắc K6,7,8	474	127	91	67	189

	(tỷ lệ so với tổng số)	19.88%	16.54%	13.11%	17.59%	34.94%
B	Học sinh tiên tiến- Giỏi K6,7,8 (tỷ lệ so với tổng số)	748 31.38%	241 31.38%	201 28.96%	103 27.03%	203 37.52%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	21 0.88%	06 0.78%	08 1.15%	07 1.84%	0 0.00%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	04-32 0.17%- 1.34%	4-14 0.52%- 1.82%	0-10 0.00%- 1.44%	2-9 0.52%- 2.36%	1-12 0.18%- 2.22%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0 0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	8 0.33%	2 0.26%	2 0.29%	0 0.00%	4 0.74%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	22				22
2	Cấp tỉnh/thành phố	08				08
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	03				03
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghệp	541				541
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	541				541
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					189 34.94%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					203 37.52%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					149 27.54%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (đậu TS 10)					454

	(tỷ lệ so với tổng số)					76.17%
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1246/1138	385/383	348/346	209/172	304/237
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	65	14	18	15	18

Tân phú, ngày 12 tháng 6 năm 2024



HIỆU TRƯỞNG

Hồ Phi Tiên

Biểu mẫu 11

Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp: ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG THCS PHAN BỘI CHÂU

THÔNG BÁO**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	34	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	34	1.31 m ² / HS
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	9	2.22 m ² /HS
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	15	0.59 m ² /HS
7	Bình quân lớp/phòng học	2	1.92 m ² /HS
8	Bình quân học sinh/lớp	56	41.07 HS/ lớp
III	Số điểm trường	0	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	4501.1 m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2922 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	2016 m ²	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	755 m ²	
3	Diện tích thư viện (m ²)	116 m ²	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	28 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	128	2.2bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	128	2.2 bộ/lớp

1.1	Khối lớp 6	38	2.1 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 7	24	1.5 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 8	28	2.8 bộ/lớp
1.4	Khối lớp 9	38	2.9 bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
2.1	Khối lớp 6		
2.2	Khối lớp 7		
2.3	Khối lớp 8		
2.4	Khối lớp 9		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	98	24.80hs/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	38	0.66 thiết bị/lớp
2	Cát xét	17	0.3 thiết bị/lớp
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	0.03thiết bị/lớp
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	8	0.14 thiết bị/lớp
5	Thiết bị khác: máy chụp hình	1	0.02thiết bị/lớp

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	38	0.66 thiết bị/lớp
2	Cát xét	17	0.3thiết bị/lớp
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	0.03thiết bị/lớp
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	8	0.14 thiết bị/lớp
5	Thiết bị khác: máy chụp hình	1	0.02 thiết bị/lớp

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	18 m ²
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	06		
XIII	Khu nội trú	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	9		12		0.11
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Có	
XVII	Kết nối internet	Có	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	www./phanboichau-truonghoc.com.vn/	
XIX	Tường rào xây	Tường rào xây	

Tân phú, ngày 12 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Hồ Phi Tiến

Biểu mẫu 12

Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp: ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG THCS PHAN BỘI CHÂU

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	112		8	96	1	1	6	27	79		98	03		
I	Giáo viên														
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	98		7	90	1			27	72		95	03		
1	Ngữ văn	15		2	13					15		15			
2	Lịch Sử	6			6					6		6	0		
3	Địa Lý	6		1	5				2	5		6	0		
4	GDCD	4		1	3					4		4	0		
5	Tiếng Anh	12			12				3	9		12			
6	Toán	16		1	15				5	11		13	3		
7	Vật Lý	5			5				2	3		5			
8	Hoá học	5		1	4				1	4		5			
9	Sinh vật	7			7				4	3		7	0		
10	Công nghệ KTDV	1			1					1		1	0		
11	Công	2			1	1			1	1		1	1		

[illegible]

	tật														
8	Nhân viên công nghệ thông tin														
9	Nhân viên phục vụ	3						3							
10	Bảo vệ	3						3							
11	Giám thị														
12	Nhân viên HV-PC														

Tân phú, ngày tháng năm 2024

